

BẢN TIN DỰ BÁO THỦY VĂN HẠN NGẮN CÁC SÔNG, KÊNH, RẠCH TỈNH AN GIANG

| <b>1. Diễn biến xu thế mực nước:</b><br>- Đầu nguồn sông Cửu Long và vùng hạ lưu sông: Mực nước cao nhất ngày tại các trạm lên theo triều trong 5 ngày tới; mực nước thấp nhất ngày xuống chậm trong 1-2 ngày tới, sau đó lên theo triều.<br>- Nội đồng TGLX: Mực nước trên các kênh, rạch trong khu vực xuống chậm trong 1-2 ngày tới, sau đó lên chậm. |            |                        |                  |       |        |            |                      |                     |                |                     |              |              |              |              |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------------|------------------|-------|--------|------------|----------------------|---------------------|----------------|---------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| <b>2. Bảng số liệu dự báo từ ngày 14/9 đến 18/9/2024</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |            |                        |                  |       |        |            |                      |                     |                |                     |              |              |              |              |
| STT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Trạm       | sông, kênh, rạch       | Cấp báo động (m) |       |        | Đặc trưng  | Mực nước thực đo (m) |                     |                | Mực nước dự báo (m) |              |              |              |              |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |            |                        | BĐ I             | BĐ II | BĐ III |            | 13/9                 | So với cùng kỳ 2023 | So với TBNN    | 14/9                | 15/9         | 16/9         | 17/9         | 18/9         |
| 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Tân Châu   | Tiền                   | 3.50             | 4.00  | 4.50   | Max<br>Min | 2.17<br>1.81         | -0.02<br>0.30       | -1.26<br>-1.46 | 2.29<br>1.79        | 2.45<br>1.82 | 2.51<br>1.89 | 2.63<br>1.98 | 2.75<br>2.09 |
| 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Chợ Mới    | Ông Chưởng             | 2.00             | 2.50  | 3.00   | Max<br>Min | 1.69<br>0.95         | -0.24<br>0.10       | -0.61<br>-0.95 | 1.83<br>0.97        | 2.01<br>1.00 | 2.09<br>1.07 | 2.23<br>1.16 | 2.37<br>1.27 |
| 3                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Khánh An   | Hậu                    | 4.20             | 4.70  | 5.20   | Max<br>Min | 3.35<br>3.29         | 0.23<br>0.30        | -0.65<br>-0.67 | 3.38<br>3.31        | 3.43<br>3.35 | 3.48<br>3.39 | 3.55<br>3.46 | 3.65<br>3.56 |
| 4                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Châu Đốc   | Hậu                    | 3.00             | 3.50  | 4.00   | Max<br>Min | 2.01<br>1.59         | -0.09<br>0.29       | -0.96<br>-1.18 | 2.13<br>1.56        | 2.29<br>1.59 | 2.35<br>1.66 | 2.47<br>1.75 | 2.59<br>1.86 |
| 5                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Long Xuyên | Hậu                    | 1.90             | 2.20  | 2.50   | Max<br>Min | 1.56<br>0.60         | -0.33<br>0.07       | -0.35<br>-0.57 | 1.71<br>0.62        | 1.91<br>0.65 | 2.01<br>0.72 | 2.16<br>0.81 | 2.31<br>0.92 |
| 6                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Vàm Nao    | Vàm Nao                | 2.50             | 2.90  | 3.30   | Max<br>Min | 1.73<br>1.08         | -0.24<br>0.12       | -0.73<br>-1.03 | 1.87<br>1.10        | 2.05<br>1.13 | 2.13<br>1.20 | 2.27<br>1.29 | 2.41<br>1.40 |
| 7                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Xuân Tô    | Vĩnh Tế                | 3.00             | 3.50  | 4.00   | Max<br>Min | 1.24<br>1.22         | 0.10<br>0.13        | -1.39<br>-1.41 | 1.24<br>1.21        | 1.26<br>1.23 | 1.30<br>1.27 | 1.36<br>1.33 | 1.44<br>1.41 |
| 8                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Vĩnh Gia   | Vĩnh Tế                | 2.00             | 2.40  | 2.80   | Max<br>Min | 0.63<br>0.55         | -0.19<br>-0.18      | -0.82<br>-0.75 | 0.63<br>0.55        | 0.65<br>0.58 | 0.69<br>0.63 | 0.75<br>0.70 | 0.83<br>0.79 |
| 9                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Tri Tôn    | Tri Tôn                | 2.00             | 2.40  | 2.80   | Max<br>Min | 1.06<br>0.98         | 0.01<br>0.05        | -0.70<br>-0.74 | 1.06<br>0.95        | 1.08<br>0.98 | 1.12<br>1.03 | 1.18<br>1.10 | 1.26<br>1.19 |
| 10                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Cô Tô      | Tri Tôn                | 1.40             | 1.80  | 2.20   | Max<br>Min | 1.06<br>0.99         | -0.05<br>-0.05      | -0.29<br>-0.33 | 1.06<br>0.99        | 1.08<br>1.02 | 1.12<br>1.07 | 1.18<br>1.14 | 1.26<br>1.23 |
| 11                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Lò Gạch    | Tám Ngàn               | 1.70             | 2.10  | 2.50   | Max<br>Min | 0.67<br>0.61         | -0.13<br>-0.11      | -0.73<br>-0.72 | 0.67<br>0.61        | 0.69<br>0.64 | 0.73<br>0.69 | 0.79<br>0.76 | 0.87<br>0.84 |
| 12                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Vọng Thê   | Ba Thê                 | 1.40             | 1.80  | 2.20   | Max<br>Min | 1.17<br>1.08         | 0.00<br>0.03        | -0.20<br>-0.29 | 1.17<br>1.08        | 1.19<br>1.11 | 1.23<br>1.16 | 1.29<br>1.22 | 1.37<br>1.30 |
| 13                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Vĩnh Hanh  | Núi Chóc<br>Năng Gù    | 1.90             | 2.30  | 2.70   | Max<br>Min | 1.52<br>1.26         | 0.00<br>0.09        | -0.48<br>-0.62 | 1.52<br>1.26        | 1.54<br>1.29 | 1.58<br>1.34 | 1.64<br>1.41 | 1.72<br>1.50 |
| 14                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Núi Sập    | Rạch Giá<br>Long Xuyên | 1.40             | 1.80  | 2.20   | Max<br>Min | 1.13<br>0.87         | 0.01<br>0.01        | -0.35<br>-0.51 | 1.13<br>0.87        | 1.15<br>0.90 | 1.19<br>0.95 | 1.25<br>1.02 | 1.33<br>1.11 |
| <b>3. Cảnh báo (nếu có):</b><br>Trên sông Hậu tại Long Xuyên, mực nước cao nhất ngày có khả năng ở mức BĐI đến trên BĐII từ 0.05-0.10m. Cấp độ rủi ro thiên tai do lũ, ngập lụt: Cấp 2. Trên rạch Ông Chưởng tại Chợ Mới, mực nước cao nhất ngày có khả năng ở mức BĐI đến dưới BĐII từ 0.15-0.25m. Cấp độ rủi ro thiên tai do lũ, ngập lụt: Cấp 1.      |            |                        |                  |       |        |            |                      |                     |                |                     |              |              |              |              |
| <b>4. Ghi chú:</b><br>- Thông tin dự báo được đăng trên website: <a href="http://kttv.angiang.gov.vn/du-bao-thuy-van">http://kttv.angiang.gov.vn/du-bao-thuy-van</a>                                                                                                                                                                                     |            |                        |                  |       |        |            |                      |                     |                |                     |              |              |              |              |

Tin phát lúc 11h00 ngày 14/9/2024

Duyệt bản tin: Lưu Văn Ninh

Dự báo viên: Phan Minh Đạt

Huỳnh Nguyễn Khánh Loan